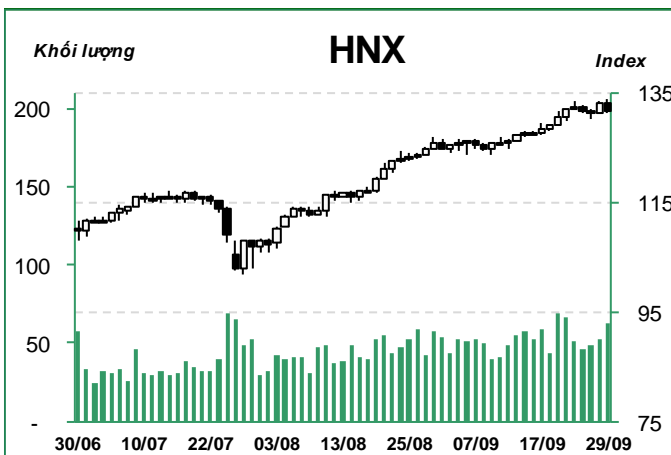
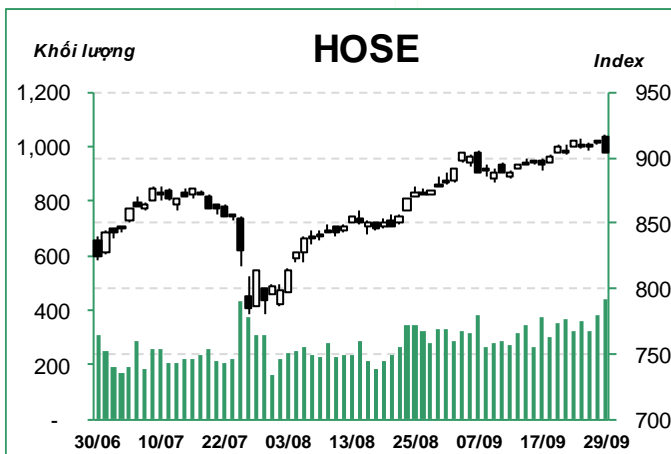


Tổng quan thị trường

29/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	903.98	-0.93%	856.20	-0.82%	131.74	-1.04%
Cuối tuần trước	908.27	-0.47%	854.71	0.17%	131.52	0.16%
Trung bình 20 ngày	899.34	0.52%	840.79	1.83%	128.98	2.14%
Tổng KLGD (triệu cp)	465.36	11.15%	148.85	-12.18%	68.41	14.47%
KLGD khớp lệnh	438.17	15.76%	135.08	0.30%	62.26	18.95%
Trung bình 20 ngày	331.00	32.38%	95.48	41.48%	52.66	18.22%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	8,527.35	18.16%	4,315.73	6.24%	941.35	16.74%
GTGD khớp lệnh	7,755.03	23.52%	3,905.06	20.73%	737.04	9.96%
Trung bình 20 ngày	5,589.87	38.73%	2,609.29	49.66%	616.40	19.57%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	128	27%	3	10%	58	16%
Số mã giảm	281	60%	25	83%	94	26%
Số mã đứng giá	60	13%	2	7%	203	57%



Thị trường có phiên giao dịch nhìn chung khá tiêu cực. Mặc dù mở cửa đầu phiên khởi sắc, áp lực bán mạnh và dứt khoát của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài khiến chỉ số đảo chiều giảm điểm vào buổi chiều và đóng cửa gần như thấp nhất trong phiên.

Trên sàn HoSE, VN-Index giảm gần 9 điểm và đóng cửa tại mức 903.98 điểm (-0.93%). Áp lực bán mạnh khiến thanh khoản trên sàn tăng vọt với KLGD khớp lệnh đạt 438.2 triệu cổ phiếu (+15.8%), tương đương 7,755 tỷ đồng giá trị (+23.5%). Sắc đỏ lan tỏa với sự áp đảo của số mã giảm (281 mã giảm so với 128 mã tăng).

Gây áp lực nhiều nhất là nhóm Ngân hàng và Vingroup khi những cổ phiếu đầu ngành như Vietcombank-VCB (-1.6%), BIDV-BID (-1.6%), Vietinbank-CTG (-2.0%), Vingroup-VIC (-1.4%) và Vinhomes-VHM (-1.7%) điều chỉnh khá đáng kể. Trong khi đó, những nhóm ngành còn lại không có diễn biến không mấy lạc quan. Ở chiều ngược lại, mặc dù bị khối ngoại xả rất mạnh, Vinamilk-VNM (+3.7%) vẫn bứt phá và là trụ cột chính hỗ trợ chỉ số không giảm sâu.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HoSE với giá trị 610.2 tỷ đồng (+54.6%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Vinamilk-VNM (-176.1 tỷ), Vinhomes-VHM (-79.3 tỷ) và Vingroup-VIC (-46.5 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được khối ngoại mua ròng là Đạm Cà Mau-DCM (+14.6 tỷ), Petrolimex-PLX (+4.7 tỷ), Dược Domesco -DMC (+4.3 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	6,500.0	158.60
VPB	4,000.0	95.50
NVL	1,005.0	62.58
PDR	833.0	32.08
LDG	3,090.0	22.39
VIC	210.8	19.49
AGG	540.0	16.15
SJS	630.0	15.12
VCB	170.0	14.43
PMG	1,222.0	14.11
HNX		
VCG	2,680.0	100.79
THD	500.0	41.00
SHB	2,000.1	31.20
HHC	200.2	20.02
TAR	321.5	6.43
PVS	110.0	1.39
SRA	80.0	1.28
RCL	75.0	1.13
TIG	133.8	0.94
HUT	50.0	0.14

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đóng cửa gần như thấp nhất phiên tại mức 131.74 điểm (-1.04%). KLGĐ khớp lệnh đạt 62.3 triệu cổ phiếu (+19.0%), tương đương 737.0 tỷ đồng giá trị (+10.0%).

Hầu hết các trụ cột trên sàn đều đóng cửa trong sắc đỏ. Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.6%), Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.9%), Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-6.0%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.9%) là những cổ phiếu tác động tiêu cực nhất đến chỉ số. Ngược lại, Vinaconex-VCG (+2.3%) là cổ phiếu trụ tăng điểm đáng chú ý nhất.

Khối ngoại cũng gây áp lực lên sàn Hà Nội trong hôm nay khi đẩy mạnh bán ròng đến 45.1 tỷ đồng (+1,184.4%). Những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Cảng Đoạn Xá-DXP (-36.4 tỷ), Vicostone-VCS (-3.4 tỷ) và Mía đường Sơn La-SLS (-2.6 tỷ). Trong khi đó, In Nông Nghiệp-INN (+0.5 tỷ), Dược Phẩm TW3-DP3 (+0.4 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.2 tỷ) được khối này mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng mạnh và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực chốt lời đang tăng lên. Không những vậy, chỉ số đi xuống đóng cửa dưới MA5 cùng với RSI đang tạo tín hiệu phân kỳ so với đường giá, cho thấy đà phục hồi đang dần suy yếu. Tuy nhiên, chỉ số vẫn nằm trên MA20, kèm theo ADX nằm trên vùng 26 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn còn. Do đó, xu hướng hiện tại chỉ có thể bị thay đổi chỉ số không thể giữ được trên vùng hỗ trợ tâm lý 900 điểm (MA20), nhà đầu tư nên quan sát kỹ trước khi có quyết định với vị thế hiện tại. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm trở lại sau khi không thể vượt qua được ngưỡng 134.4 điểm (Fib 161.8), cùng với khối lượng gia tăng mạnh trên bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán đang tăng lên. Trong trường hợp kém tích cực, chỉ số có thể điều chỉnh về vùng hỗ trợ xu hướng quanh 128.5 điểm (MA20). Nhìn chung, thị trường đang chịu áp lực chốt lời ở vùng giá cao và có thể suy yếu về vùng hỗ trợ xu hướng. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc chốt lời các vị thế yếu nhằm đưa danh mục về mức cân bằng và quan sát kỹ thị trường tại vùng hỗ trợ xu hướng.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ASG	44.0	152.0	6.9%
TNC	29.5	16.9	6.9%
DCM	11.7	9,543.9	6.9%
PIT	5.2	12.6	6.8%
VID	9.6	20.5	6.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DAT	35.3	1.7	-7.0%
VAF	9.5	0.0	-6.9%
TLD	16.3	371.3	-6.9%
TCO	9.1	0.0	-6.8%
L10	16.0	0.0	-6.7%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	109.2	571.1	3.7%
HPG	26.4	489.9	-0.2%
HSG	15.2	361.5	-5.6%
STB	13.3	311.0	-3.6%
VHM	75.3	286.6	-1.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	3.5	26,261.1	0.9%
HSG	15.2	23,085.3	-5.6%
STB	13.3	22,791.4	-3.6%
HPG	26.4	18,456.8	-0.2%
TCH	21.5	13,046.3	2.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	463.6	16.7%
ACM	0.8	995.2	14.3%
VIG	1.1	2,268.7	10.0%
VNC	43.9	0.1	9.8%
DXP	12.5	3,230.2	9.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MCC	11.9	0.1	-9.9%
PPY	20.3	0.1	-9.8%
DST	3.7	2,909.6	-9.8%
SVN	1.9	54.8	-9.5%
VE4	7.0	0.2	-9.1%

Top 5 giá trị

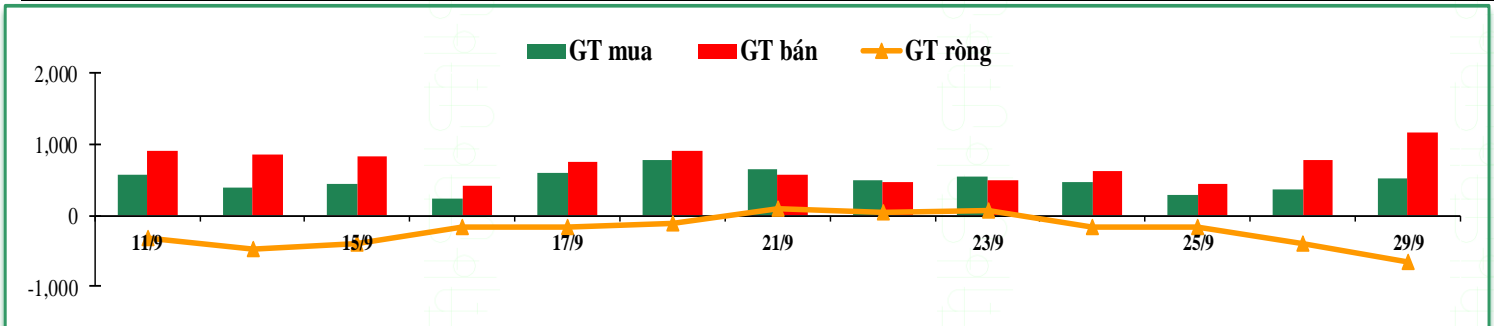
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.5	136.6	-2.9%
ACB	22.4	133.5	-0.9%
SHB	15.2	58.7	-2.6%
DXP	12.5	39.6	9.7%
SHS	11.9	34.1	-2.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	13.5	9,827.4	-2.9%
ACB	22.4	5,923.0	-0.9%
SHB	15.2	3,785.4	-2.6%
DXP	12.5	3,230.2	9.7%
DST	3.7	2,909.6	-9.8%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	515.0	6.6%	1,125.2	14.5%	-610.2
HNX	3.6	0.5%	48.7	6.6%	-45.1
Tổng số	518.5		1,173.9		-655.3



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	22.6	147.9	-1.3%
HPG	26.4	85.5	-0.2%
VCB	84.6	45.0	-1.6%
VNM	109.2	36.5	3.7%
VPB	23.8	24.2	-0.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	109.2	212.7	3.7%
TCB	22.6	147.9	-1.3%
HPG	26.4	86.2	-0.2%
VHM	75.3	84.9	-1.7%
VCB	84.6	66.9	-1.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DCM	11.7	14.6	6.9%
PLX	50.6	4.7	-1.4%
DMC	58.9	4.3	-2.0%
VHC	43.8	4.1	0.0%
BCM	40.6	4.0	-0.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.5	1.4	-2.9%
INN	29.8	0.5	0.0%
DP3	78.2	0.4	2.9%
PVI	30.0	0.2	0.0%
NDN	17.4	0.1	4.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DXP	12.5	36.4	9.7%
VCS	66.6	3.4	-1.6%
SLS	76.9	2.6	0.9%
VCG	39.9	2.4	2.3%
PVS	13.5	1.2	-2.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
INN	29.8	0.5	0.0%
DP3	78.2	0.4	2.9%
PVS	13.5	0.2	-2.9%
PVI	30.0	0.2	0.0%
NDN	17.4	0.1	4.2%

Tin trong nước

Tăng trưởng GDP quý III đạt 2,62%

Theo số liệu được Tổng cục Thống kê (GSO) công bố tại họp báo sáng 29/9, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn nền kinh tế ước đạt 2,12% trong 9 tháng đầu năm, riêng quý III tăng 2,62%. Đây mức tăng trưởng thấp nhất trong quý III giai đoạn 2011-2020, song so với con số 0,36% của quý II và 1,81% của 6 tháng đầu năm, tình hình kinh tế đã có những dấu hiệu cải thiện.

Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới là những điểm nhấn trong 3 tháng qua. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,93%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,95%. Khu vực dịch vụ tăng 2,75%.

Trước khi có các số liệu này, Goldman Sachs và ADB gần đây đều điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm nay, xuống mức 2,7% và 1,8%.

Doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh quý IV

Báo cáo tình hình kinh tế, xã hội 9 tháng đầu năm của Tổng cục Thống kê công bố sáng nay (29/9) cho thấy số doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đạt 99.000 doanh nghiệp với tổng vốn hơn 1,4 triệu tỷ đồng và dự kiến sử dụng hơn 777.000 lao động. So với cùng kỳ năm ngoái, số doanh nghiệp giảm 3,2% và lao động giảm 16,3% nhưng lại tăng 10,7% về vốn đăng ký.

Vốn đăng ký trung bình mỗi doanh nghiệp thành lập mới đạt 14,4 tỷ đồng, tăng hơn 14% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả hơn 2,1 triệu tỷ đồng vốn tăng thêm của 29.500 doanh nghiệp thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng là hơn 3,6 triệu tỷ đồng, tăng hơn 19% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại thị trường là 34.600 doanh nghiệp so với năm ngoái, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong 9 tháng lên 133.600 doanh nghiệp, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước.

Đồng thời, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 38.600, tăng 81,8% so với cùng kỳ. Trong đó, số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể là 27.600, giảm 2,4% và số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể gần 12.100, tăng 0,1%.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III cho thấy có 32,2% và 35,9% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý III tốt hơn và ổn định hơn so với quý II. Trong khi đó, có 31,9% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn hơn so với 3 tháng trước đó.

Kết quả khảo sát triển vọng kinh doanh quý IV cho thấy có tới 81% doanh nghiệp cho rằng xu hướng kinh doanh sẽ tốt lên và ổn định hơn, chỉ có 19% doanh nghiệp đánh giá tình hình có thể khó khăn hơn quý III.

Tin doanh nghiệp niêm yết

PVTrans ước lợi nhuận 9 tháng giảm 22% còn 565 tỷ đồng

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans, HoSE: PVT) báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm với doanh thu ước đạt 5.345 tỷ đồng, thực hiện 86% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 565 tỷ đồng, giảm gần 22% so với cùng kỳ nhưng vượt 3% kế hoạch năm.

Trên báo cáo soát xét bán niên, doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận trước thuế 393 tỷ đồng trong nửa đầu năm. Theo đó, ước tính lợi nhuận của riêng quý III đạt khoảng 172 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước.

D2D trình cổ đông thưởng cổ phiếu tỷ lệ 42%

Công ty Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (HoSE: D2D) sẽ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 vào ngày 29/9. Tại đây, HĐQT sẽ trình cổ đông việc phát hành gần 9 triệu cổ phiếu thưởng, tương đương tỷ lệ 100:42 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu có quyền nhận thêm 42 cổ phiếu mới).

Thời gian thực hiện dự kiến từ quý IV/2020 đến quý I/2021. Sau phát hành, vốn điều lệ tăng từ 213,5 tỷ đồng lên 303 tỷ đồng.

D2D kinh doanh bất động sản khu công nghiệp với địa bàn chính tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2 (Đồng Nai). Tuy nhiên công ty đã mở rộng địa bàn kinh doanh ra Bà Rịa Vũng Tàu qua việc thuê đất của Sonadezi Châu Đức và mới đây cũng tham gia góp 36 tỷ đồng, tỷ lệ 9% để thành lập Sonadezi Bình Thuận để phát triển khu công nghiệp Tân Đức 300 ha tại Bình Thuận.

6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 149 tỷ đồng, tăng 22% và lợi nhuận sau thuế 150 tỷ đồng, tăng 80%. Dự án Khu dân cư Lộc An tiếp tục là động lực tăng trưởng cho doanh nghiệp này.

Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu giảm 49% xuống 414 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 51% còn 178,7 tỷ đồng. D2D có truyền thống đặt kế hoạch thấp hơn khả năng thực hiện. Sau nửa năm, doanh nghiệp đạt 36% kế hoạch doanh thu và 84% chỉ tiêu lợi nhuận.

Cổ đông lớn nhất của ABS muốn bán 6,5 triệu cổ phiếu

CTCP Đầu tư phát triển đô thị du lịch Diamond Eco City thông báo sẽ bán ra 6,5 triệu cổ phiếu Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận (Bitagco, HoSE: ABS) thông qua phương thức thỏa thuận hoặc bán trên sàn. Thời gian giao dịch từ 1/10 đến 30/10. Đây đang là cổ đông lớn nhất sở hữu 6,8 triệu cổ phiếu ABS, tỷ lệ 23,61% trước khi tăng vốn điều lệ

Mới đây vào 10/9, Bitagco đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 25% và cổ phiếu ESOP để tăng vốn điều lệ từ 288 tỷ lên 374 tỷ đồng. Do vậy, tổ chức này vẫn có thêm 1,7 triệu cổ phiếu trả cổ tức đang chờ về.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Chốt lời	20/08/20	42.3	33.45	26.5%	43.5	30.0%	31.8	-4.9%	Tín hiệu phân kỳ giảm giữa RSI và đường giá
2	IMP	Bán	15/09/20	47.8	48.15	-0.7%	54.4	13.0%	47.2	-2.0%	Xu hướng suy yếu
3	PLX	Bán	24/09/20	50.6	51.6	-1.9%	58.4	13.2%	49.5	-4.1%	Xu hướng suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VTP	Quan sát mua	30/09/20	105.3	115	Phiên bật tăng mạnh kèm vol cao sau nền rút chân, khả năng có nhịp tăng ngắn hạn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 104.5-105
2	ACB	Quan sát mua	30/09/20	22.4	23.7-24	Phiên điều chỉnh ko quá tiêu cực với vol giảm -> có thể có cơ hội giữ xu hướng tăng nếu duy trì tín hiệu này khi về hỗ trợ 21.4-22
3	NLG	Quan sát mua	30/09/20	25.6	30-30.5	Nền rút chân, vol thấp ở quanh vùng hỗ trợ 25 trong khi thị trường giảm mạnh -> tín hiệu mạnh so với thị trường, nếu thị trường ổn lại sẽ có cơ hội vượt kháng cự 26
4	ANV	Quan sát mua	30/09/20	18.6	20 23	Phiên điều chỉnh ko quá tiêu cực với vol giảm + đang vùng hỗ trợ 18.3-19 -> nếu biến động sắp tới giảm dần + vol giảm dần thì sẽ có cơ hội giữ đc hỗ trợ và bật tăng trở lại
5	HBC	Quan sát mua	30/09/20	10.65	11.3 12.6	Phiên giảm mạnh nhưng vol thấp cho áp lực bán ko mạnh + về hỗ trợ quanh 10.3-10.6 -> nếu biến động sắp tới giảm dần + vol giảm dần thì sẽ có cơ hội giữ đc hỗ trợ và bật tăng trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	------------	---------

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

1	LIX	Mua	16/09/20	58	56.8	2.1%	60.9	7.2%	54.9	-3%	
2	MWG	Mua	17/09/20	103.5	94.6	9.4%	105	11.0%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	109.2	103.6	5.4%	112.5	9%	101.6	-2%	Điều chỉnh giá do trả cổ tức bằng tiền 20% và 20% bằng cổ phiếu.
4	CTG	Mua	23/09/20	26.6	25.8	3.1%	28	9%	25.2	-2%	
5	HPG	Mua	28/09/20	26.35	25.75	2.3%	30	17%	25	-3%	
6	KBC	Mua	29/09/20	13.95	14.3	-2.4%	15.8	10%	13.8	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 29/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,100	-1.8 %	-29%	889	78	67,000	10	(1,090)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,110	-6.9 %	52%	1,629	41	50,200	850	(10,260)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,810	-7.2 %	21%	7,328	30	50,200	1,387	(423)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,670	-5.7 %	-1%	6,181	24	50,200	1,357	(313)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,460	-5.8 %	-3%	19,706	107	50,200	658		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,370	-2.5 %	-4%	7,609	80	50,200	1,293	(1,077)	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHDB2005	1,080	1,030	2.0 %	-5%	6,626	6	31,250	984	(46)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,500	6.1 %	61%	5,700	9	31,250	3,284	(216)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	13,000	4.0 %	519%	260	2	26,350	7,353	(5,647)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2008	4,100	5,110	0 %	25%	16,167	62	26,350	144	(4,966)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,930	0.6 %	208%	3,762	30	26,350	1,953	(2,977)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	7,250	2.7 %	19%	6,712	111	26,350	1,148	(6,102)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	8,750	0.7 %	27%	4,187	63	26,350	2,505	(6,245)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	8,330	3.0 %	16%	2,953	202	26,350	2,151	(6,179)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	7,610	0.4 %	14%	2,706	153	26,350	1,612	(5,998)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	3,300	3.5 %	50%	101,797	107	26,350	344	(2,956)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	1,890	0 %	16%	38,613	80	26,350	1,251	(639)	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,170	-12.5 %	9%	27,099	41	19,650	1,712	(458)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	650	0 %	-68%	285	27	19,650	66	(584)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,680	-7.7 %	53%	50,696	30	19,650	1,596	(84)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2007	1,400	1,810	-8.6 %	29%	9,172	107	19,650	1,415		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	350	-12.5 %	-85%	13,010	78	53,600	0	(350)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	360	0 %	-83%	278	30	53,600	0	(360)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,080	-7.7 %	-43%	11,895	107	53,600	232		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,280	-7.3 %	-16%	4,277	69	53,600	348	(932)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	6,560	25.0 %	162%	605	2	103,500	5,758	(802)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	600	42.9 %	-70%	6,340	27	103,500	2	(598)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	19,300	11.0 %	50%	2,138	62	103,500	16,949	(2,351)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,980	7.0 %	52%	7,725	28	103,500	1,870	(110)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,690	7.6 %	68%	8,719	24	103,500	2,708	18	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,550	4.9 %	82%	16,736	107	103,500	2,226		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,300	4.4 %	44%	15,827	80	103,500	3,420	(880)	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	5,600	4.7 %	28%	9,248	132	103,500	4,890	(710)	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	78	63,400	71	71	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,420	-2.0 %	21%	151	162	63,400	965	(1,455)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	180	-14.3 %	-93%	6,636	2	60,800	-	(180)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	250	400.0 %	-88%	5,150	27	60,800	(0)	(250)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	440	-15.4 %	-56%	40,313	30	60,800	123	(317)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	780	-15.2 %	-22%	17,744	107	60,800	364		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,200	-2.2 %	32%	17,049	52	60,800	1,606	(594)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	2,820	-3.8 %	-7%	10,804	132	60,800	2,291	(529)	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,080	-1.0 %	108%	1,702	30	39,950	2,005	(75)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,400	-9.3 %	117%	85	24	39,950	3,503	103	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,240	-2.6 %	72%	793	107	39,950	1,935		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	0 %	-83%	6,717	78	2,190	(0)	(170)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	210	-4.6 %	-93%	1,227	78	14,700	0	(210)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,310	-6.5 %	36%	11,647	78	13,300	1,513	(797)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	2,650	-13.7 %	89%	24,179	62	13,300	2,357	(293)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,200	7.1 %	11%	42,728	35	13,300	762	(438)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,370	-3.5 %	-9%	876	188	13,300	644	(726)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,300	-10.8 %	120%	10,199	52	13,300	3,144	(156)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,050	-11.6 %	85%	43,622	80	13,300	2,473	(577)	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	300	-9.1 %	-85%	1,880	27	22,550	0	(300)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	2,100	-1.4 %	-30%	5,018	62	22,550	894	(1,206)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,500	2.0 %	108%	11,888	30	22,550	2,297	(203)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,960	-5.8 %	15%	8,690	107	22,550	1,406		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	2,030	-1.0 %	18%	4,942	80	22,550	1,353	(677)	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	930	66.1 %	-70%	311	78	75,300	0	(930)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,740	-10.9 %	-59%	2,824	62	75,300	1,147	(3,593)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	860	-15.7 %	-14%	29,382	30	75,300	548	(312)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	30	-25.0 %	-98%	33,997	6	75,300	(0)	(30)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	770	-8.3 %	-45%	73,641	107	75,300	174		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,750	-10.3 %	-40%	5,031	132	75,300	841	(909)	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	160	6.7 %	-93%	760	78	104,000	0	(160)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	300	0 %	-84%	10	30	104,000	0	(300)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	60	20.0 %	-96%	615	6	104,000	-	(60)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVJC2005	2,000	1,430	-4.7 %	-29%	5,892	132	104,000	684	(746)	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	20,860	23.0 %	19%	1,202	62	109,200	162	(20,698)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,150	13.3 %	110%	84,919	30	109,200	646	(2,504)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	320	146.2 %	-79%	68,189	6	109,200	-	(320)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,820	23.0 %	-24%	168	162	109,200	23	(1,797)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,670	33.5 %	48%	13,826	107	109,200	212		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,950	21.4 %	63%	12,573	69	109,200	399	(2,551)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	3,120	20.0 %	16%	8,438	132	109,200	470	(2,650)	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2006	3,400	1,650	-0.6 %	-51%	26,854	62	23,750	551	(1,099)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,070	-0.9 %	-37%	104,199	30	23,750	658	(412)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,840	-0.5 %	2%	8,838	107	23,750	1,135		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,250	3.7 %	38%	23,201	52	23,750	1,819	(431)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	280	-6.7 %	-91%	7,149	78	27,450	0	(280)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,830	-8.5 %	-54%	3,953	62	27,450	516	(1,314)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,200	-6.3 %	9%	13,415	30	27,450	1,127	(73)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	600	-1.6 %	-61%	5,661	188	27,450	113	(487)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,030	-4.6 %	-14%	34,167	107	27,450	549		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
DXG (New)	HOSE	10,050	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV (New)	HOSE	66,300	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG (New)	HOSE	25,600	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP (New)	HOSE	47,800	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD (New)	HOSE	67,000	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD (New)	HOSE	47,000	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	84,600	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,600	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	56,800	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,450	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,150	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	103,500	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,400	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,200	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	121,600	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MSN	HOSE	53,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	26,350	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	105,900	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	105,300	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,750	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn